

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
(Từ ngày 11/10/2024 đến ngày 17/10/2024)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ kỳ trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận		Tổng hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý						Hồ sơ đang xử lý
			Phát sinh trong kỳ	Lũy kế		Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế			
								Tổng số	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Đúng hạn	Trễ hạn	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)=(11)+(12)	(11)	(12)	(13)=(4)-(5)-(7)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	0	1	31	1	0	0	0	0	0	31	31	0	1
2	Bảo hiểm Xã hội	368	695	23.212	1.063	0	0	696	696	0	23.247	23.247	0	367
3	Công an tỉnh	11.035	569	20.457	11.604	0	0	170	170	0	10.688	10.688	0	11.434
4	Sở Giao thông Vận tải	263	589	22.481	852	0	0	637	637	0	22.526	22.526	0	215
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30	118	5.157	148	0	0	111	111	0	5.205	5.205	0	37
6	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Công Thương	14	775	36.167	789	4	124	764	764	0	36.112	36.112	0	21
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	36	48	27.157	84	0	39	7	7	0	27.079	27.075	4	77
10	Sở Khoa học và Công nghệ	2	3	76	5	0	1	0	0	0	74	74	0	5
11	Sở Lao động, Thương binh và XH	16	3	508	19	0	46	1	1	0	469	468	1	18
12	Sở Ngoại vụ	0	0	22	0	0	0	0	0	0	22	22	0	0
13	Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn	63	56	1.962	119	2	111	60	60	0	1.833	1.831	2	57
14	Sở Nội vụ	10	16	488	26	1	23	11	11	0	455	455	0	14
15	Sở Thông tin và Truyền thông	1	1	64	2	0	6	1	1	0	64	64	0	1
16	Sở Tài chính	0	0	19	0	0	2	0	0	0	17	17	0	0
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	38	48	774	86	0	4	16	16	0	784	776	8	70
18	Sở Tư pháp	522	362	13.727	884	1	39	331	331	0	13.684	13.683	1	552
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	15	567	18	0	34	11	11	0	535	534	1	7
20	Sở Xây dựng	133	62	1.545	195	9	254	40	40	0	1.243	1.241	2	146
21	Sở Y tế	262	59	2.533	321	0	50	47	47	0	2.545	2.523	22	274
	Tổng cộng	12.796	3.420	156.947	16.216	17	733	2.903	2.903	0	146.613	146.572	41	13.296

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Như Huỳnh

Nguyễn Thanh Hùng